

PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỄN

*Hoà Thượng Thích Tịnh Không Chủ Giảng
Mười Hạnh Nguyên Của Bồ Tát Phổ Hiền*

-o0o-

Điểm đặc sắc của Phổ Hiền hạnh nguyện là Tâm lượng rộng lớn như hư không pháp giới. Do đó mười nguyện của Ngài, nguyện nào cũng thật là cứu cánh viên mãn.

Thứ Nhất: Lễ Kính Chư Phật

Chư Phật là gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy chúng ta rằng: “Tinh dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, đây chính là chư Phật.

“Tinh” là nhất thiết hữu tình chúng sanh nghĩa là tất cả động vật

“Vô tình” là cây cỏ, khoáng chất.

Như vậy chư Phật có nghĩa là bao gồm tất cả mọi loài Hữu tình và Vô tình.

Đem tấm lòng cung kính của chúng ta đối với Phật chuyển sang đối với chúng sanh. Đó là tâm Phổ Hiền, khác với tâm của hàng Bồ tát. (Nghĩa là Tâm này vượt bậc hơn cả Tâm của Bồ tát).

Người học Phật đối với Phật rất là thành kính, thực ra sự cung kính và thành khẩn này chưa phải là chân thật.

Bởi vì sao? Quý vị thử nghĩ xem, trong lúc quý vị đang nghe giảng kinh, nếu gặp một người nào, một việc nào mà quý vị cho là quan trọng hơn, thì lập tức việc nghe giảng kinh sẽ trở thành thứ yếu, Phật cũng không màng nữa. Do đó mới thấy sự thành kính này chưa phải là chân thuần (hoàn toàn chân thật). Nếu lòng chí thành chí kính đó chân thuần thì việc nghe giảng kinh thuyết pháp là việc lớn nhất trong cuộc đời của mình. Trong lúc nghe giảng Phật pháp, có người đến nói rằng: “Đang có một việc làm ăn có thể kiếm lời tới bạc triệu Mỹ kim”. Bảo đảm quý vị sẽ bỏ việc nghe pháp đi theo họ ngay. Điều này cho thấy tấm lòng cung kính, thành khẩn của chúng ta thật không kham nổi sự thử thách và chẳng đáng một đồng xu! Cũng không chân thật chút nào!

Sự cung kính trong hạnh nguyện Phổ Hiền mới là chân thật, đối với tất cả chúng sanh cũng như đối với Phật không có khác. Tại sao vậy? Bởi vì tất cả chúng sanh vốn là Phật. Đắc tội với một chúng sanh tức là đắc tội với một vị Phật, là không cung kính với một vị Phật.

Đối với người thì phải cung kính, còn đối với vật như bàn ghế, súc vật thì sao? Nó cũng là chúng sanh vậy. Chữ chúng sanh ở đây có nghĩa là “chúng duyên hòa hợp” tạo thành hiện tượng. Vậy đối với vật phải cung kính như thế nào? Có phải mỗi ngày đều lễ nó ba lạy không? Nếu học Phật pháp như vậy hóa ra như con “mọt Phật” rồi.

Đối với đồ vật – chúng ta sắp xếp cho ngăn nắp.

Đối với thú vật – nuôi dưỡng đàng hoàng sạch sẽ.

Đối với sách vở - chúng ta cẩn thận xếp gọn trên kệ sách.

Như thế gọi là cung kính đối với vật. Còn làm việc thì chúng ta phải có trách nhiệm, siêng năng hết lòng làm cho thật tốt, gọi là cung kính đối với việc làm. Đối với người, vật, cũng như đối với việc làm đều phải tỏ ra thái độ bình đẳng cung kính. Đây là đại hạnh của Bồ tát Phổ Hiền. Cho nên Bồ tát tu tập lục độ vạn hạnh đến khi rộng lớn, tròn đầy thì gọi là Hạnh Phổ Hiền. Cho nên Hạnh Phổ Hiền là phương pháp tu tập thù thắng, viên mãn nhất.

Thứ Hai: Xưng Tán Như Lai

Chúng ta cần chú ý điểm quan trọng ở đây câu thứ nhất nói “Lễ kính chư Phật” câu thứ hai lại nói “Xưng tán Như Lai”, mà Ngài không nói “Xưng tán chư Phật”? Dụng ý ở đây rất là thâm sâu.

Thứ nhất “Lễ kính chư Phật” là nói về mặt hình tướng, đối với tất cả người thiện kẻ ác, đối với tất cả chánh pháp, tà pháp đều nhất mực cung kính không hề phân biệt hoặc tỏ ra bất kính.

Thứ hai “Xưng tán Như Lai” là nói về mặt Tánh. Ở đây, điều thiện ta xưng tán, điều bất thiện ta không xưng tán. Chỗ khác biệt giữa Lễ kính chư Phật và xưng tán Như Lai là như vậy. Thiện Tài đồng tử trong năm mươi ba lần tham vấn đã có những điển hình như sau:

Ngài đối với mỗi một vị thiện tri thức đều lễ kính tán thán, duy chỉ đối với ba vị, ngài lễ kính mà không có tán thán. Ba vị này là:

- Thứ nhất: Thắng Nhiệt Bà La Môn, một người ngoại đạo, đại diện cho si mê. Do đó Thiện Tài đồng tử chỉ cung kính mà không tán thán.

- Thứ nhì: Cam Lô Hỏa Vương, tượng trưng cho sân giận. Vị này rất nóng tính, chỉ đắc tội với ông ta một chút liền bị trị tội - thả vào chảo dầu, bắt leo lên núi đao. Do đó Thiện Tài đồng tử ra đi trong cung kính mà không tán thán.

- Thứ ba: Phát Tô Mật Đa, một dân nữ, Thiện Tài đồng tử vẫn cung kính mà không tán thán. Ba người này tiêu biểu cho Tham, sân, si (ba thứ độc phiền não), Ngài cung kính mà không tán thán. Do đó, Tán thán là dựa trên tiêu biểu tính đức, như định

phải là THIÊN, nhứt định là CHÁNH PHÁP mới tán thán; nếu không phải thiện pháp, không chánh pháp thì không tán thán, nhưng vẫn cung kính. Bởi vì cung kính là Tâm thanh tịnh, Tâm bình đẳng.

Đối với tôn giáo khác chúng ta cũng phải cung kính, nếu là chánh pháp, chánh giáo, chúng ta càng thêm tán thán. Như Thiên Chúa giáo là Chánh giáo, giúp người sanh lên cõi Trời, mặc dù chưa phải là cứu cánh nhưng vẫn tốt hơn đưa người xuống địa ngục! Do đó chúng ta cần phải tán thán. Những Tà giáo dẫn dụ người tạo nghiệp, tạo tội đọa tam đồ (ba đường ác). Chúng ta tuyệt đối không tán thán. Cho nên điều nguyện thứ nhì so với điều nguyện thứ nhất trong thập nguyện có sự khác biệt to lớn như vậy. Hơn nữa trong điều nguyện thứ nhì Tâm địa của hành giả là tâm địa tuyệt đối thanh tịnh viên mãn (tròn đầy).

Thứ Ba: Quảng Tu Cúng Đường

Như đã nói: Điểm đặc sắc của Hạnh Nguyên Phổ Hiền là Tâm lượng rộng lớn không gì sánh bằng. Trong Phật pháp đại thừa gọi đó là khởi dụng của tánh đức tròn đầy. Bồ tát tuy đã Kiến tánh nhưng chưa tròn đầy cho nên sự Khởi Dụng của Tánh đức mới chỉ là một phần thôi. Duy chỉ có tánh đức Phổ Hiền Bồ tát mới là Khởi Dụng tròn đầy. Bởi vì mỗi điều nguyện của ngài đều tận hư không biến pháp giới. Đây là điểm khác biệt so với Lục độ Bồ tát. Đối với ngài cúng dường một là cúng dường tất cả, cúng dường một vị Phật như cúng dường tất cả Phật, không phải chỉ cúng dường riêng những vị Phật đã thành Phật; đối với hữu tình và vô tình cũng đều như thế. Vì tất cả là một, một là tất cả. Đây là phương pháp tu học của Bồ tát cũng là cảnh giới của Hoa Nghiêm mà chúng ta thường được nghe nói đến. Với tâm lượng như vậy mới hoàn toàn thoát khỏi sự phân biệt và giới hạn. Ngài Phổ Hiền thường dạy chúng ta rằng: “Trong tất cả cúng dường, cúng dường pháp là tối thượng”. Bởi vì chỉ có Phật pháp mới chỉ dạy phá mê khai ngộ, giúp chúng ta chứng đắc, hồi phục tự tánh tròn đầy của mình. Những việc cúng dường bố thí khác không thể đạt được. Trong pháp cúng dường “Y giáo tu hành cúng dường” (y theo lời chỉ dạy mà tu đó là cúng dường) là hàng đầu. Tôi xin đặc biệt nhắc quý vị đồng tu điều này, Phật pháp là thầy dạy đạo. Cho nên chúng ta nhất định phải kính thầy trọng đạo, y theo sự chỉ dạy của thầy mà tu học, chúng ta sẽ đạt được công đức, lợi ích vô cùng thù thắng không gì sánh bằng.

Bàn về Phật pháp, ta thử nghĩ bộ kinh nào được xếp hàng đầu? Vào đời nhà Đường, các vị cao tăng đại đức Trung quốc, Nhứt, Đại Hàn từng đem tất cả những kinh điển trong bốn mươi chín năm thuyết pháp của Thế Tôn ra so sánh. Hầu hết các ngài đều nhất trí công nhận kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đứng đầu. Từ đó kinh Hoa Nghiêm được xem như môn học đạt mức cứu cánh, viên mãn nhất trải qua nhiều thế kỷ. Sau đó chư đại đức một lần nữa đem so sánh kinh Vô Lượng Thọ với kinh Hoa Nghiêm, các ngài nói kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh hàng đầu. Vì sao? Chư cổ đức nói rằng “Hoa Nghiêm, Pháp Hoa” là hai bộ kinh lớn và quan trọng duy nhất được xưng là nhất thừa viên giáo trong Phật pháp Trung Hoa. Tuy nhiên hai bộ kinh này đều là sự

dẫn nhập của kinh “Vô Lượng Thọ”, chính vì thế kinh Vô Lượng Thọ mới thật sự là bộ kinh đứng đầu trong những bộ kinh quan trọng. Khi đọc đến lời nói này của chư cổ đức, tôi vô cùng vui mừng bởi vì chính tôi cũng có sự cảm nhận sâu sắc như thế. Sở dĩ tôi đi theo Tịnh độ tông là do sự dẫn nhập của kinh Hoa Nghiêm.

Trong suốt thời gian mười bảy năm qua, việc giảng kinh Hoa Nghiêm của tôi chưa từng gián đoạn. Nhưng hiện giờ thì chỉ giảng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên. Mười bảy năm thuyết pháp đã đưa tôi từ Hoa Nghiêm tiến sâu vào Tịnh độ. Bởi vì tôi cảm nhận được ý vị dẫn nhập về Cực lạc hết sức sâu sắc trong mười đại nguyện sau cùng của ngài Phổ Hiền Bồ tát. Cực lạc là thắng cảnh của kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là nơi về nguồn của Hoa Nghiêm, là tinh túy của Hoa Nghiêm. Những lời nói của người xưa thật không sai. Do đó, tất cả những điểm thù thắng, đặc sắc nhất mà đức Thích Ca Mâu Ni giảng trong 49 năm đã được tìm thấy và đề bạt ra. Tuy nhiên, nếu không phải do vị cư sĩ lão thành Hạ Liên Cư đem năm bản nguyên gốc hội tập lại thành một bản hoàn chỉnh thì chúng ta cũng không thể có được pháp thù thắng, viên mãn lợi ích như vậy. Quá trình của việc làm vĩ đại này chứng tỏ ngài chính là Phật - Bồ tát tái sanh, tuyệt đối không phải là người thường có thể làm được. Sự thật đây cũng là tấm lòng bi mẫn của các Ngài đối với chúng sanh trong đời này và cũng do cơ duyên của chúng sanh đã chín mùi, nên khiến các đại Bồ tát xuống thế để chỉnh đốn cho pháp môn Tịnh độ có thể hoằng dương, rộng độ vô lượng chúng sanh trong chín ngàn năm thời mạt pháp. Tôi đến Bắc kinh, cư sĩ Huỳnh Niệm Tổ tặng tôi một tấm ảnh của thầy ông tức là cư sĩ Hạ Liên Cư. Sau khi về Đài Loan, tôi mang tấm ảnh đi phóng đại và in ra nhiều tấm để mọi người chiêm ngưỡng cúng dường. Tấm ảnh này tuy đã in lại nhiều lần, hình không được rõ lắm, nhưng vẫn có thể từ nơi tấm ảnh thấy rõ được vài điểm cảm ứng không thể nghĩ bàn: Phía sau Ngài là tấm bình phong, trên đỉnh đầu có hình Phật ngồi trên tòa sen, đang phóng hào quang.

Chúng ta cúng dường cư sĩ Hạ Liên Cư để bày tỏ tấm lòng biết ơn vị Bồ tát này, và cảm niệm ơn đức của Ngài đã hội tập một bộ kinh hoàn chỉnh giúp chúng ta dựa vào đó mà chuyên tu và hoằng dương chánh pháp.

Trong kinh Vô Lượng Thọ có tất cả bốn mươi tám phẩm. Vậy thì phẩm nào là quan trọng nhất? Chúng ta nên thận trọng tìm hiểu. Ngài Thiện Đạo đại sư nói: **“Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà Bồ Nguyện Hải”** (Như Lai phải nhiều lần ra đời cũng vì giảng nói hạnh nguyện bao la của Phật A Di Đà).

Như trên, chúng ta đã hiểu rõ kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh đứng hàng đầu trong các kinh, cũng là bộ kinh chính yếu mà chư Phật Như Lai dùng để hoằng dương độ sanh. Ngoài ra những bộ kinh khác là bổ xung cho bộ kinh này. Trong bốn mươi tám phẩm, phẩm thứ sáu là quan trọng nhất. Phẩm này do chính Phật A Di Đà tự nói, đức Thích Ca Mâu Ni thuật lại. Bởi thế nên nói Phật Phật đạo đồng (Phật với Phật, mỗi đạo đều cùng một hướng). Thế Tôn thuật lại cũng như chính đức Phật A Di Đà nói vậy.

Bây giờ chúng ta triển khai toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Đức Thích Ca Mâu Ni giới thiệu hình ảnh của thế giới Tây phương Cực lạc, không một câu nào trái ngược với bốn mươi tám nguyện, từng câu từng chữ đều tương ứng. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện nào xếp thứ nhất? Theo chư vị cao tăng đại đức từ xưa đến nay đều công nhận là nguyện thứ mười tám. Vậy nguyện thứ mười tám là gì? Là “Mười niệm vãng sanh”. Mặc dầu nói mười niệm, nhưng nếu nhất tâm chỉ cần “Một niệm” cũng được vãng sanh. Như vậy mới chứng tỏ cảnh giới của Phật pháp thật sự viên mãn, thù thắng không thể nghĩ bàn.

Thiếu thời, khi tôi bắt đầu học Phật, trong lòng tôi có một điều thắc mắc: “Giả sử có người tạo nghiệp tội rất nặng, tức khắc phải đọa xuống ngục A Tỳ chẳng lẽ Phật không có khả năng cho họ lập tức thành Phật được ư? Nếu Phật không có khả năng này thì trí huệ năng lực của ngài còn bị giới hạn lắm. Chúng ta tán thán ngài là “vạn đức vạn năng” chẳng qua chỉ là lời khen ngợi mà thôi không đúng sự thật. Ngược lại nếu ngài có thể cho người mang tội ác phải đọa địa ngục có thể lập tức thành Phật thì trí huệ, thần thông của ngài mới thật là viên mãn và chúng ta không thể không bái phục sát đất. Vì vậy khi tôi đọc đến bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà trong kinh Vô Lượng Thọ, tâm hoài nghi của tôi mới hoàn toàn được giải tỏa. Mới biết rằng trí đức của Phật hoàn toàn cứu cánh viên mãn không một chút thiếu sót. Ngài thực sự có khả năng khiến người gây tội sâu dày lập tức thành Phật, vấn đề là ở chỗ người ta có tin hay không? Có chấp nhận hay không? Nếu như không tin không chấp nhận thì lỗi ở nơi người tạo tội chứ không phải Phật - Bồ tát không có đủ khả năng. Do đó việc tán thán Phật là bậc “Vạn đức vạn năng” trong kinh Vô Lượng Thọ không hề hư dối hay khoa trương. Hiểu như vậy chúng ta mới thực sự nhận ra được chánh pháp vi diệu mà chư Phật mười phương dùng để độ sanh. Dựa vào pháp môn này tu học, không ai mà không được thành tựu.

Ngài Đệ Nhị dạy đệ tử chỉ một câu A Di Đà Phật chuyên tâm trì niệm suốt ba năm, đến lúc mãn phân vị đệ tử biết rõ ngày giờ mình ra đi và đã vãng sanh trong tư thế đứng thẳng. Sự vãng sanh này chắc chắn là bậc thượng phẩm thượng sanh chứ không phải tầm thường. Ông đã ra đi trong thế đứng và đứng suốt ba ngày để chờ đợi sự phụ ông đến chôn cất. Như thế mỗi câu niệm Phật của ông đều tương ứng và thành tựu như lời nguyện thứ mười tám của Phật A Di Đà. Vì vậy nếu ai tin được pháp môn này, người đó nhất định là người có nhiều thiện căn, nhiều phúc đức. Nói theo kinh Vô Lượng Thọ thì người này đã từng cúng dường vô số lượng chư Phật. Như Lai mới có thể Tín - Thọ - Phụng - Hành, vì nếu không có căn lành sâu sắc, thì dù có khuyên bảo thế nào thì người đó cũng không tin.

Danh hiệu A Di Đà có vô lượng nghĩa, nhưng nghĩa rốt ráo là “Tận hư không biến pháp giới” tức là bao gồm hết tất cả. Như vậy toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ chỉ để giải thích một danh hiệu này thôi. Nếu muốn hiểu rõ kinh Vô Lượng Thọ thì Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh chính là chú giải của Vô Lượng Thọ và toàn

bộ Đại Tạng kinh là chú giải cho kinh Hoa Nghiêm. Quý vị từ từ hiểu thấu mới thấy rõ câu danh hiệu này công đức thật sự không thể nghĩ bàn!

Danh hiệu này là toàn bộ Phật giáo, trùm hết hư không, trải khắp pháp giới và gồm thấu tất cả các pháp. Do đó niệm một câu A Di Đà Phật là niệm đủ tất cả. Ngày xưa, thời vua Càn Long thuộc triều đại nhà Thanh, có một vị pháp sư lỗi lạc trong lịch sử Phật giáo Trung quốc - Từ Vân Quán Đảnh pháp sư – Ngài có nhiều trứ tác, trong đó có bài “Kinh Vô Lượng Thọ chỉ quán”. Ngài nói: “Người thế gian cầu tai qua nạn khỏi, dùng kinh, dùng chú hoặc dùng phương pháp sám hối đều có hiệu lực. Nhưng với người tội chướng sâu nặng thì tụng kinh sám sám không có tác dụng. Công đức của câu A Di Đà Phật mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng và tội nạn. Rất tiếc nhiều người không tin không hiểu, thường dùng công đức tụng kinh Dược Sư cho hết bệnh hoặc tụng Phổ Môn để được tai qua nạn khỏi, thực tế công đức của câu A Di Đà Phật vượt bậc hơn mọi thứ công đức. Nếu vậy đức Thích Ca Mâu Ni Phật vì sao không dạy chúng ta đơn giản một câu danh hiệu là đủ rồi? Ngài lại đem đủ thứ kinh, chú, sám pháp để nói với chúng ta? Bởi vì chúng ta không tin, không chấp nhận nên ngài phải phương tiện đem loại hàng thượng hạng này tái chế! Cũng giống như chúng ta ở Đài Loan đi tham quan cung Vua. Trong cung món đồ quý giá nhất là những loại đồng khí của thời Thương - Châu. Nhưng theo một số người cho đó là những thứ đồng hư, sắt vụn, không thích thú chút nào, đến khi nhìn thấy những loại ngọc khí (đồ chế tạo của đời Minh – Hán như cẩm thạch, mã não ...) họ trầm trồ khen ngợi. Thực tế ngọc khí làm sao bì được với đồ cổ đồng khí thời Thương – Châu. Những thứ chúng ta cho là đồng hư sắt vụn đó mới thực sự là “vô giá chi bảo” (bảo vật vô giá). Cũng như vậy, “Người đời không hiểu rõ được công đức của câu niệm A Di Đà Phật, Thế Tôn bắt buộc phải nói đủ thứ kinh để phương tiện dẫn dắt chúng sanh hướng về thế giới Cực lạc”. Ngài Thiện Đạo đại sư nói câu này thật không sai chút nào.

Chúng ta hiểu rõ được đường lối tu tập, để chuyên tu, chuyên hoằng dương Tịnh độ Tông cũng là nhờ sự gia hộ của Tam Bảo, đồng thời căn cơ của chúng sanh đời này đã chín mùi. Trong năm, sáu năm qua tôi đã cố gắng tích cực đẩy mạnh sự giới thiệu rộng rãi những bộ kinh Vô Lượng Thọ khác nhau với số lượng hơn mấy triệu quyển đến khắp nơi trên toàn thế giới, những người vui vẻ tin và chấp nhận hành trì theo cũng rất nhiều. Thấy mọi người siêng năng thật lòng tu học như vậy, tôi cảm thấy an ủi vô cùng, niềm pháp hỷ tràn ngập trong lòng, khiến tôi quên hết mọi sự nhọc nhằn.

Tóm lại chúng ta y theo pháp môn này tu và đẩy mạnh truyền bá rộng rãi pháp môn này. Chúng ta đã thực hiện đầy đủ ý nghĩa câu “Quảng Tu Cúng Dường”, rồi vậy.

Phương tiện tiếp dẫn của chư Phật-Bồ tát thật là vô lượng vô biên, đây chính là sự biểu hiện của tâm đại từ đại bi nơi các Ngài, để rồi sau cùng đều dẫn về Thế giới cực lạc của đức A Di Đà Phật.

Trong Mật tông Long Thọ Bồ tát mở tháp sát ra nhìn thấy Kim Cang Tát Đỏa Thượng sư, vị tổ đầu tiên của Mật Tông. Kim Cang Tát Đỏa Thượng sư đem mật

pháp truyền cho Long Thọ Bồ tát, từ đó truyền đến nhân gian. Kim Cang Tát Đỏa còn gọi là Kim Cang Thủ Bồ tát, là hóa thân của Bồ tát Phổ Hiền. Ngoài ra còn một vị đại đức lỗi lạc của Mật Tông là Chuẩn Đề Bồ tát chính là hóa thân của Quan Thế Âm Bồ tát.

Trong tâm của phàm phu phân biệt có Hiền giáo, Mật giáo. Ở chư Phật-Bồ tát hoàn toàn viên mãn, tự tại, bình đẳng, không có phân biệt.

Hiểu được như thế mới biết rằng tám vạn bốn ngàn pháp môn đều trở về một nơi! Phật vì muốn dẫn dắt chúng sanh căn tánh không giống nhau cho nên phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chúng sanh muốn học thứ gì các Ngài dạy thứ đó. Sau cùng khi trở về nhà, mọi người gặp được Phật A Di Đà, mới biết thì ra tất cả đều giống nhau.

Khi biết rõ được sự thật như vậy rồi, đối với bất cứ một tông phái, một pháp môn nào, chúng ta đều phải chân thành cung kính. Bởi vì phương pháp tu học tuy khác nhưng mục đích hoàn toàn giống nhau.

Thứ Tư: Sám Hối Nghiệp Chương

Nghiệp chương, con người ai cũng có. Vừa “khởi Tâm động Niệm” là đã tạo nghiệp và sanh chương ngại rồi.

Chương là gì? Là ngăn trở Bỏn tánh của chúng ta. Trong bỏn tánh chân thật của chúng ta, vốn nó tự đầy đủ vô lượng trí tuệ và đức năng khôn cùng. Nhưng vì sao tất cả những trí tuệ, đức năng thần thông đó, bây giờ không còn sử dụng được nữa? – Vì do chương ngại.

Chương ngại chia làm hai loại chính:

- Thứ nhất là phiền não chương.
- Thứ hai là sở tri chương.

Đối với sở tri chương chúng ta chẳng những tiếc rẻ không tiêu trừ nó, mà mỗi ngày còn tạo thêm nhiều hơn.

Quý vị thử nghĩ xem, có khi nào quý vị không chấp trước? Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy chúng ta rằng “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng giống Như Lai, do vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”. Qua câu nói này Phật đã chỉ rõ tận gốc căn bệnh của chúng ta cũng giống như Bác sĩ trong nháy mắt đã tìm ra nguyên nhân gây ra bệnh tật:

- “Vọng Tưởng” là gốc của Sở tri chương
- “Chấp trước” là gốc của Phiền não chương

Cho nên việc tu học Phật pháp chẳng có gì khác, dù có vô lượng pháp môn, phương pháp, thủ đoạn khác nhau, chẳng qua là giúp chúng ta ĐOẠN VỌNG TUỞNG, PHÁ CHẤP TRƯỚC, một khi đã phá sạch hai thứ chướng này sẽ KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT. Cho nên “Sám hối nghiệp chướng” trong việc tu học là “mấu chốt” quan trọng. Tất cả các pháp tu học đều vì sám hối nghiệp chướng. Tuy nhiên, nghiệp chướng không phải dễ mà đoạn trừ được! Nhưng nếu còn nghiệp chướng thì việc tu học quyết định không thể thành tựu!

Trong vô số pháp môn, pháp môn Tịnh độ dễ hành trì và có kết quả thù thắng nhất cho dù chúng ta tạo nhiều nghiệp tội sâu dày. Thậm chí tạo tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục A Tỳ, nghiệp chướng tuy chưa sám hối, tiêu trừ hết, chỉ cần phát lòng chân thành nguyện từ nay sửa đổi. Niệm hồng danh A DI ĐÀ PHẬT cầu sanh Tịnh Độ, bao nhiêu tội chướng cũng sẽ tiêu hết, lập tức có thể thành Phật.

Ngài Từ Vân Đại Sư nói: “Một câu A DI ĐÀ PHẬT có thể tiêu trừ hết những nghiệp chướng mà những kinh, chú khác không tiêu nổi”. Lời này không phải tùy tiện mà nói, sự thật rõ ràng chính xác được chứng minh trong những bộ kinh lớn.

Mấy năm vừa qua, một số người nêu vấn đề: “Phải tiêu trừ hết nghiệp mới vãng sanh, chưa sạch nghiệp thì không thể vãng sanh được”. Những lời nói như thế gây chấn động tinh thần trong giới Phật giáo và làm hoang mang tín tâm của người niệm Phật ở Đài Loan cũng như ở Mỹ.

Năm 1984, cư sĩ Chu Tuyên Đức ra phi trường đón tôi, vừa gặp mặt ông liền hỏi: “Thưa thầy, hiện nay có người nói rằng, người còn nghiệp không thể vãng sanh, phải sạch nghiệp mới được vãng sanh, như vậy đời này chúng con niệm Phật không được vãng sanh thì phải làm sao đây? Có uống phí hoài công không?” Tôi mỉm cười trả lời ông ta rằng: “Ông à, nếu người còn mang nghiệp mà không được vãng sanh thì cũng chẳng đi làm gì!”.

Lão cư sĩ kinh hoàng vội thưa: “Vậy... vậy... là sao thưa thầy?”

Tôi nói: “Nếu còn mang nghiệp không được vãng sanh thì cảnh giới Tây phương Cực lạc chỉ có một mình đức Phật A Di Đà, ông lên đó để làm gì!”.

Lão cư sĩ thành thật thưa: “Thưa thầy tôi vẫn chưa hiểu”.

Tôi nói: “Ông thử nghĩ xem, thế giới Tây phương Cực lạc có Tứ Độ, Tam Bối, Cửu Phẩm không?”

Lão cư sĩ nói: “Thưa có, trong kinh Phật có nói đến”

Tôi nói: “Nếu bảo không còn nghiệp mới được vãng sanh vậy thì danh từ Tứ Độ, Tam Bối, Cửu Phẩm do đâu mà có?”.

Vừa nghe xong ông ta liền chợt hiểu. Thật ra, danh từ Tứ Độ, Tam Bối, Cửu Phẩm là để phân cấp nghiệp chướng nhiều hay ít. Còn mang nghiệp nhiều thì phẩm vị thấp, ngược lại mang nghiệp ít thì sẽ được phẩm vị cao hơn.

Tôi nói tiếp với vị cư sĩ: “Ông thử nghĩ xem Bồ tát Quán Âm, Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền, các ngài đều là đẳng giác Bồ tát. Trong kinh Phật nói với chúng ta rằng “Bồ Tát Đẳng giác” vẫn còn một phẩm vô minh chưa phá hết, đó không phải là nghiệp hay sao?”

Lần này, lão cư sĩ mới vui vẻ cười nói: “Ồ, đó chính là nghiệp, đẳng giác Bồ Tát vẫn còn mang nghiệp vãng sanh, nếu nói không còn nghiệp chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật ra không ai mà không mang nghiệp”.

Tôi nói: “Vậy thì ai bảo rằng người còn mang nghiệp không thể vãng sanh”.

Lão cư sĩ đã thật sự hiểu rõ và phá lên cười dòn: “Thì ra Thế giới Cực Lạc đều có thể mang nghiệp vãng sanh”.

Phật pháp là nói đến sự viên mãn, hằng thuận không kết oán với người khác; do vậy tôi xin bổ xung thêm một câu: “Cần phải tiêu nghiệp thì cũng không sai, vì sao vậy? Mong rằng hiện tại tiêu bớt một phần nghiệp, sẽ mang ít đi một phần, khi đến thế giới Cực Lạc sẽ được dự vào hàng phẩm vị cao hơn người còn mang nhiều nghiệp, đó là điều rất tốt”.

Tôi đến Nữ Ước (New York) vừa xuống phi trường, lão cư sĩ Trầm Gia Trân đến đón cũng đem vấn đề tương tự như trên ra hỏi. Điều này chứng tỏ rằng nhiều người chưa hiểu thấu đáo như tôi đã giải thích. Do đó họ bị ảnh hưởng đến công phu niệm Phật. Một khi đã hiểu thì cách nói “không mang nghiệp” hay “phải sạch nghiệp” đều có ý tốt giúp chúng ta nhận thức rõ là phải luôn luôn “Sám hối nghiệp chướng”. Niệm một câu A DI ĐÀ PHẬT chính là chân thành sám hối vậy!”.

Tuy nhiên, trong khi niệm Tâm của ta cũng phải tương ứng với tâm của Phật A Di Đà. “Hành, Giải” của ta cũng phải tương ứng với “Hành, Giải” của Phật A Di Đà. Vậy làm thế nào mới có thể tương ứng? Khi quý vị tụng kinh Vô Lượng Thọ, quý vị phải siêng năng nỗ lực làm theo tất cả những đạo lý, lời dạy trong kinh, được như thế gọi “tương ứng”. Như vậy, quý vị mới là người niệm Phật chân chính. Niệm Phật tuyệt đối không phải là “Hữu khẩu Vô tâm” - miệng niệm Phật mà lòng thì suy nghĩ vẩn vơ, niệm Phật như vậy không được một chút lợi ích gì hết. Trong khi niệm Phật, tâm mình nhất định phải giống với tâm của Phật, nguyện mình giống với nguyện của Phật, không một chút sai khác. Dem bốn mươi tám đại nguyện của ngài biến thành bốn nguyện của chính mình. Như thế mới là chân chính niệm Phật và thật sự tiêu trừ hết tất cả nghiệp chướng.

Thứ Năm: Tùy Hỷ Công Đức

Nguyên thứ năm “Tùy hỷ công đức” là dùng để đối trị với bệnh phiền não nặng nề của phàm phu đó là sự đố kỵ. Tâm đố kỵ đã hình thành và theo ta nhiều đời kiếp đến nay. Quý vị hãy xem một đứa trẻ, vừa ra đời được vài tháng hoặc một năm, khi cho nó ăn kẹo khi thấy đứa khác được nhiều hơn, tâm đố kỵ của nó liền biểu hiện ra một cách tự nhiên! Tâm đố kỵ là một chướng ngại lớn đối với việc tu học. Cho nên, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát, mới đặc biệt đề ra nguyên “Tùy hỷ công đức” này để dạy cho chúng ta. Chúng ta chẳng những không đố kỵ với người khác mà còn phải sanh tâm vui vẻ khi thấy, biết, cái đẹp, cái tốt của họ để hết lòng giúp đỡ họ hoàn thành việc làm tốt đẹp. Nhà Nho có câu: “Thành nhân chi mỹ, thành nhân chi thiện”.

Nếu chúng ta không đủ khả năng, không thể giúp đỡ, nhưng chúng ta có lòng vui vẻ ca ngợi, như thế cũng gọi là tùy hỷ công đức.

Trường hợp chúng ta có khả năng lại không chịu giúp đỡ, mặc dù không có tâm đố kỵ. Như vậy không thể gọi là tùy hỷ. Cho nên trong lúc tùy hỷ không những không mang tâm đố kỵ mà còn hết lòng giúp đỡ nữa, mới thật sự là tùy hỷ.

Chúng ta phải luôn nhớ rằng khi giúp người khác thành tựu chính là thành tựu cho mình. Bởi vì công đức tùy hỷ thù thắng nhất chính là Tâm rộng rãi vui vẻ, chấp nhận người khác vượt bậc hơn mình. Nền giáo dục thời xưa của Trung quốc đều hy vọng thế hệ sau có những thành tựu siêu việt hơn mình nếu không thì nền giáo dục đó coi như hoàn toàn thất bại. Khác với người thời nay, tâm đố kỵ, chướng ngại nhiều và sợ người khác hơn mình nên khi dạy thì dấu nghề hoặc giữ lại “một chiêu”, không thực tâm truyền hết. Như vậy gọi là “bàn pháp”. Bàn pháp sẽ bị quả báo ngu dốt, keo kiệt sẽ bị nghèo khó, hạng người như vậy không biết những điều đáng sợ của quả báo! Ngày xưa, ở Trung quốc, cái nón của người làm quan đội gọi là “hiên quan”, nón này là biểu pháp mang ý nghĩa rất thâm sâu, nó có hai cấp như cầu thang, vành nón phía trước thấp, vành phía sau cao hơn. Phần thấp tượng trưng cho chính mình, phần cao tượng trưng cho hậu thế (thế hệ sau), có nghĩa là người làm quan luôn luôn hy vọng kẻ hậu thế vượt bậc giỏi hơn mình về đức hạnh, học vấn, khả năng ... cho đến mọi sinh hoạt trong cuộc sống đều luôn tiến bộ và không ngừng nâng cao. Nền giáo dục được gọi là thành công là phải tiến bộ chứ không phải thụt lùi. Riêng nón của vua chỉ có một vành bằng phẳng - tượng trưng cho tâm bình đẳng. Y phục của vua và các đại thần đều nói lên nghĩa vụ và trách nhiệm phải làm, cũng như nhắc nhở họ từng giờ từng phút phải thận trọng, ý thức việc làm của mình.

Qua đến giáo dục hiện nay của chúng ta, nếu đức hạnh, học vấn, năng lực của chúng ta không đạt đến mức độ cao, thì chúng ta sẽ không thể nào độ cho chúng sanh ở thế hệ sau. Vì sao thế?

Quý vị xem nền giáo dục hiện nay chỉ chú trọng về mặt cung cấp cho giới trẻ những kiến thức khoa học kỹ thuật và xã hội bên ngoài càng ngày càng phức tạp hơn.

Do đó, người nào muốn hóa độ cho họ, cần phải có tâm thanh tịnh hơn, trí tuệ cao hơn, đức hạnh thâm hậu hơn, thì mới có thể ứng phó với thời cơ và thời đại hiện tại, cho nên “tùy hỷ công đức” rất là quan trọng.

Tóm lại, đồ kỵ, sân hận đều có tác hại trầm trọng đến tự tánh của chúng ta. Cần phải nhổ tận gốc rễ, phương pháp dùng để nhổ tận gốc đó là “tùy hỷ công đức”.

Thứ Sáu: Thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân

Là Phật tử, chúng ta nhận sự giáo dục của Phật và được lợi ích chân thật, vậy chúng ta phải dùng phương pháp này để báo đáp Thầy - Phật.

Chúng ta cảm niệm ân đức của Ngài, mỗi ngày dâng hương, hoa, quả, cúng dường trước hình tượng của Phật-Bồ Tát. Như thế, gọi là báo ân Phật rồi phải không? Chẳng phải như thế.

Dâng cúng trước hình tượng hoặc lễ bái cúng dường, những việc đó chỉ là dựa trên nghi thức nhằm nhắc nhở chúng ta luôn luôn tôn kính biết ơn và đền ơn Ngài.

Sự báo ân chân chính là làm thế nào để thực hiện được nguyện vọng của Phật. Tâm nguyện của Phật là mong muốn tất cả chúng sanh đều được nghe chánh pháp, y theo giáo pháp tu học, sớm đạt thành quả vị Phật.

Để thực hiện tâm nguyện của Ngài, chúng ta phải lấy Tâm Phật làm Tâm của mình. Như thế, mới thật sự gọi là báo đáp ân Phật. Mà báo đáp ân Phật một cách chân chính tức là “Thỉnh chuyển pháp luân”. Nói theo ngôn ngữ hiện nay là lễ thỉnh Pháp sư, Đại đức đến giảng kinh thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh. Sự lễ thỉnh này có phúc đức vô cùng to lớn, vì sao vậy? Vì làm như vậy chính là mang pháp đến cúng dường cho cả một khu vực. Tuy rằng việc giảng pháp do Pháp sư đảm trách, nhưng nếu không có người trợ duyên lễ thỉnh các vị Pháp sư, Giảng sư thì các vị đó không thể tự động đến giảng. Nên nói phúc đức của người lễ thỉnh lớn lắm là vậy.

Khi nói đến tu phước, dù tu riêng cho cá nhân hoặc vì đại chúng hay vì người quá cố như tổ tiên, ông bà, cha mẹ, thân nhân v.v.. Công đức tụng kinh rất lớn. Nếu có thể nhân đó thuyết pháp thì công đức càng nhiều gấp bội. Việc tụng kinh giúp người gieo trồng được một ít thiện căn, nhưng không hiểu ý nghĩa thâm áo bên trong. Nếu thỉnh Pháp sư giảng giải thì được thông suốt mọi điều trong kinh. Do hiểu ý nghĩa trong kinh mà sanh tâm ưa thích trì tụng, y giáo phụng hành. Cho nên phúc đức của việc giảng kinh so với việc tụng kinh lại lớn hơn không biết bao nhiêu lần.

Hiện nay, Pháp sư giảng kinh rất ít, muốn thỉnh mời cũng không có. Tôi nghe nhiều người đến đây nghe pháp nói:

“Bây giờ muốn mời Pháp sư đến hoằng pháp thật là khó!”.

Tôi cười nói:

“Việc mời Pháp sư đến hoằng pháp, giảng kinh cho quý vị nghe đó là chuyện nhân quả, có quả tất phải có nhân. Quý vị không tu nhân lại muốn hưởng quả, làm sao có chuyện dễ dàng như vậy được.”

Thế nào là tu nhân? “Tu nhân” là phải đào tạo, nuôi dưỡng Pháp sư. Những vị Pháp sư lớn tuổi giảng hay, ai cũng đua nhau đến nghe, tranh dành cúng dường, còn Pháp sư trẻ hoặc mới học giảng không được hay thì không ai đoái hoài tới nghe, khiến họ bị thối chí và nghĩ rằng: “Ôi! Việc giảng kinh khó quá, không muốn tập luyện nữa, chỉ bằng ta trở về lo việc tụng kinh cho nhẹ nhàng.”

Làm thế nào để đào tạo Pháp sư?

Người Pháp sư càng trẻ, nói không hay chúng ta càng phải đến ủng hộ, khuyến khích, cổ động cho họ được phấn chấn, Pháp sư đó sẽ nghĩ rằng: “Chắc mình không đến nổi tệ lắm, mình cũng có khả năng tập luyện tiến bộ”. Hơn nữa, chúng ta chớ nên coi thường những vị Pháp sư mới học, đối với họ, chúng ta nên trân trọng đến nghe và không bỏ sót một buổi giảng nào. Chúng ta đến nghe thuyết pháp nhưng không tán thán. Quý vị có biết rằng đôi khi sự tán thán làm hại người hơn cả sự phỉ báng! Người bị phỉ báng, tuy giận lắm, nhưng đối với người có chí khí, càng bị chê bai chừng nào họ càng nỗ lực, tinh tấn để đạt đến những thành tựu cao siêu. Biến những lời phỉ báng thành một thứ trợ duyên thượng thượng. Một khi được ca tụng, tán thán họ sẽ nghĩ: “Ồ! Nhiều người ca ngợi mình quá, có lẽ mình không tệ”, và họ sẽ mãn nguyện với những gì họ có được rồi không thèm trau dồi để tiến xa hơn nữa.

Cho nên tán thán rất dễ làm hại người. Vì vậy, đối với giới trẻ, với người mới học, chúng ta tuyệt đối không nên tán thán, không nên cúng dường quá nhiều. Bởi vì tiền tài nhiều, danh vọng lên cao, lập tức sẽ sa đọa ngay. Những Pháp sư trẻ, phát tâm Bồ đề xuất gia, thường bị tín đồ ca ngợi, cúng dường làm cho Pháp sư trẻ đọa lạc. Như vậy sự đọa lạc của họ là do tín đồ gây nên. Sau này, những vị Pháp sư đó bị quả báo thì tất cả những người ca ngợi, cúng dường không thể thoát nạn bị đọa.

Vậy đối với những ai chúng ta nên mạnh mẽ cúng dường? Đó là những vị giảng sư, Pháp sư “Bát phong xuy bất động” (tám luồng gió của **được, mất, khen, chê, vinh, nhục, khổ, vui** không làm họ lay động). Những người này dù chúng ta có tán thán họ cũng không sanh lòng vui mừng, chúng ta phỉ báng họ cũng không sanh tâm phiền muộn. Vì tâm của họ luôn giữ sự bình lặng an nhiên. Những người như vậy mới thật sự xứng đáng cho chúng ta tán thán. Vì sao? Vì sự tán thán không làm hại họ, cho nên chúng ta phải tuyên dương khiến cho nhiều người biết đến và tin tưởng họ. Nhờ vậy họ có thể độ được nhiều chúng sanh.

Nhân đây nói đến “cúng dường”. Thọ nhận cúng dường không phải là chuyện đơn giản. Trong nhà Phật thường nói: “Một hạt gạo của thí chủ lớn như núi Tu Di, đời này mà không liễu đạo, phải mang lông, đội sừng để trả”.

Cho nên người không tu làm sao dám nhận sự cúng dường và hưởng thụ sự cúng dường? Làm kiếp người, ai có thể biết được phước báu của mình được bao nhiêu? Ngay cả chư Phật, Bồ Tát cũng không hưởng thụ sự cúng dường. Nhưng nếu có người đến cúng dường với lòng chân thành, muốn gieo trồng ruộng phước, đương nhiên chúng ta không thể từ chối, tuy nhiên sau khi thọ nhận của cúng dường, chúng ta nhất định phải luân chuyển sự cúng dường đó.

Trong thời cận đại, Ngài Ấn Quang Đại sư là hình ảnh mẫu mực rất tốt cho chúng ta. Đệ tử quy y ngài nhiều đến nỗi không thể tính đếm được. Tất cả những tài vật do đệ tử cúng dường, Ngài đều đem ra ấn tống kinh sách để “cúng dường” lại cho mọi người, Ngài lập ra “Sở Hoằng hóa” ở Tô Châu Trung quốc để ấn tống và lưu hành kinh sách. Sau khi tôi tu học Phật pháp, tôi hoàn toàn noi gương của ngài, nghĩa là có bao nhiêu tiền cúng dường, tôi đều đem ra in kinh sách để phân phát khắp nơi cho mọi người. Tôi nghĩ:

“Nếu kiếp này không liễu đạo, tôi cũng không phải mang lông đội sừng để trả. Vì sao thế? Vì những người nhận kinh sách trả nợ dùm cho tôi”.

Đem tài vật của những người cúng dường triển chuyển bố thí cúng dường, như vậy, cái phước của những người cúng dường và người nhận sẽ trở nên rộng lớn vô lượng vô biên. Làm như thế mới gọi là như pháp. Nếu dùng tài vật của người cúng dường để hưởng thụ cá nhân thì tuyệt đối không thể như Pháp. Cho dù dùng tài vật cúng dường của thí chủ để xây chùa, xây đạo tràng cũng phải vì mục đích hoằng pháp lợi sanh. Được như vậy người bố thí cúng dường mới thật sự có công đức. Nếu như ở trong chùa mà không tu hành, cũng chẳng hoằng pháp, ngôi chùa đó sẽ trở thành nơi tranh chấp. Cho nên cất chùa xây đạo tràng phải đặc biệt cẩn thận!

Thầy Lý Bình Nam thường nói rằng:

“Khi xây chùa, mọi người là Bồ Tát, sau khi cất xong rồi thành La Sát!”.

Vì sao? Bởi vì tranh dành quyền lợi - biến chất rồi! Sự phát tâm ban đầu đem quặng lên tận chín tầng mây cao!

Cúng dường Pháp sư phải hết sức thận trọng. Phật dạy chúng ta: “Tứ sự cúng dường”. Tứ sự là gì?

1/ Âm thực: Pháp sư là người sống ở thế gian, không thể không ăn cơm, cho nên chúng ta cúng dường âm thực cho Pháp sư để duy trì mạng sống của họ

2/ Y phục: Pháp sư cũng cần có áo quần để mặc. Nếu áo của Pháp sư cũ rách, ta nên cúng dường cho họ một bộ, khi thấy còn tốt thì không cần thiết cúng dường.

3/ Y dược: Khi Pháp sư có bệnh, chúng ta cúng dường thuốc uống để chữa bệnh cho họ.

4/ Ngọa cụ: Pháp sư cũng cần có chỗ nghỉ ngơi, chúng ta cúng dường giường, mền, v.v.v...

Thời nay có người đem nhà cửa hoặc những vật quý giá dâng cúng cho Pháp sư khiến cho Pháp sư sống thật sung sướng đến nỗi Tây phương Cực Lạc cũng không muốn đi nữa. Vì ở thế gian này cũng tốt quá rồi, đến Tây phương để làm gì? Cái tâm mong thành Phật đạo, liễu sanh thoát tử tan thành mây khói. Điều này đối với việc thành tựu cho pháp sư, đào tạo Pháp sư thật là một tai hại lớn không gì bằng!

Pháp sư xuất gia nghĩa là “cắt ái ly gia”, không có nhà, chúng ta lại tặng cho họ cái nhà, tức là kéo họ về nhà trở lại. Như vậy là hại chết họ rồi, họ có đủ quyền lực, tài sản, thế là không còn ý chí của người xuất gia, chẳng khác gì người phạm tục! Ai đã hại họ? Chính là tín đồ đã hại Pháp sư! Những tín đồ này không biết rằng hành động như vậy là phá hoại Phật Pháp, tổn hại Tam Bảo. Mà họ lại nghĩ rằng mình đã tạo rất nhiều công đức, làm được nhiều việc tốt! Than ôi! Khi mạng chung, đọa xuống địa ngục gặp Diêm Vương, chừng đó còn chối cãi gì được nữa!

Đứng về mặt tu phước trong nhà Phật, chúng ta cần phải có trí tuệ chân chính và điều này cần phải giải thích rõ ràng. Nhiều Pháp sư không dám nói rõ vì sợ khi nói rõ thì Phật tử, tín đồ không cúng dường nữa. Riêng đối với tôi, tôi chỉ muốn lên Thế giới Cực Lạc ở phương Tây, tôi không muốn ở đây lãnh tội, cho nên tôi hết sức chân thật nói với quý vị rằng:

“Tôi không sợ quý vị không cúng dường cho tôi, không cúng dường cũng tốt vì rằng tôi không phải lo lắng đủ điều”.

Chính vì vậy tôi lập “Hội Phật Đà giáo dục Cơ Kim” chuyên in tặng kinh sách. Tôi dặn dò ông Giảng cư sĩ, phụ trách cơ quan ấn tống kinh sách, luôn áp dụng một nguyên tắc như sau:

“Tiền cúng dường nhiều, in sách nhiều, tiền cúng dường ít in sách ít, không có thì không in, vậy là tốt nhất!”.

Bởi vì khi sự cúng dường nhiều lại phải bận tâm lo nghĩ nên chọn bộ sách nào in trước? In như thế nào? Ngược lại, nếu không có cúng dường thì không phải bận tâm, thanh nhàn biết bao! Cho nên mọi người cần phải hiểu.

Không cầu cúng dường, không cầu đạo tràng, điều gì cũng không cầu, tâm sẽ thanh tịnh, đó chính là đạo tâm. Chính mình tu tâm thanh tịnh, giúp người khác tu thanh tịnh tâm. Tuyệt đối xa lìa danh vọng lợi dưỡng, như vậy mới là Phật pháp chân chính.

Muốn thành tựu cho các Pháp sư trẻ, muốn lo lắng cho họ, phải chấp nhận cho họ chịu cực khổ một chút. Đừng nên nói là thấy họ cực khổ ta không đành. Nếu như vậy là hại chết họ đó!

Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, tất cả đệ tử của Ngài chỉ ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, cuộc sống khổ cực thiếu thốn như vậy. Nếu ta nhìn thấy, thật không nhẫn tâm, rồi đem họ về nhà. Như vậy làm sao họ có thể thành đạo được? Trong kinh Phật dạy chúng ta rằng: “Dĩ khổ vi sư” nghĩa là lấy cái khổ làm thầy của mình. Thông thường trong cuộc sống đau khổ, người ta mới có tâm đạo chân chính, mới có tâm niệm cương quyết, vượt ra khỏi thế gian này.

Cho nên khổ là tốt! Chúng ta không kham nổi khổ cực, nhưng khi thấy người khác chịu đựng khổ cực ta phải sanh lòng cung kính, đừng nên gây chướng ngại và lôi kéo họ trở lui. Chúng ta phải chân thành, dựa trên thực tế mà đào tạo Pháp sư, thành tựu Pháp sư. Làm được như thế chúng ta mới có thể mời được Pháp sư, mới có Pháp sư chân chính, tốt lành đến hoằng pháp lợi sanh.

Thứ Bảy: Thỉnh Phật Trụ Thế

Như nguyện thứ sáu nói “Thỉnh chuyển pháp luân” mục đích chính là truyền bá Phật pháp. Đem Phật pháp phổ biến, truyền bá giới thiệu cho mọi người.

Trong cuộc đời của chúng ta, sự tu học muốn đạt đến mức thành tựu, nếu chỉ thỉnh chuyển pháp luân thì chưa đủ. Quý vị thử nghĩ, có ai mới nghe kinh một hai lần mà được khai ngộ đắc quả đâu? Lúc Phật còn tại thế thì có. Sau khi Phật diệt độ rồi không có nữa. Cho nên chúng ta cần phải “thỉnh Phật trụ thế” nghĩa là thỉnh vị thầy tốt thường trụ, để có thể mỗi ngày chỉ dẫn chúng ta, khiến chúng ta trường kỳ được giáo huấn, từ đó mới đạt đến chỗ thành tựu.

Khi tôi còn đi học ở Đài Trung, có một hôm thầy Lý Bình Nam hỏi chúng tôi: “Cách ngôn dĩ chí” - giống như ngài Khổng Phu Tử hỏi học trò:

“Mỗi người tự nói lên chí hướng, nguyện vọng của mình cho thầy nghe”.

Ngài hỏi đến tôi, tôi liền thưa rằng: “Con hy vọng sau này sẽ đi hoằng pháp lợi sanh ở khắp nơi”.

Ngài nghe xong gật đầu và nói: “Tốt lắm, tuy nhiên con chỉ có thể thành tựu cho chính mình, không thể thành tựu cho người khác”.

Tôi hỏi: “Thưa thầy, vì sao thế?”

Ngài trả lời: “Con chỉ đạt tới kết quả là truyền bá Phật Pháp thôi”.

Ngài nói tiếp: “Thầy sống ở Đài Trung hơn ba mươi năm, do đó người thành tựu mới được nhiều. Nếu ở Đài Trung, mỗi năm chỉ đến giảng một, hai ngày sẽ không có một người nào thành tựu được.”

Tôi nghe xong hiểu rõ đạo lý thật sự là như vậy, tuy nhiên trong nhà Phật có nói đến duyên phận – “Phật bất độ vô duyên chi nhân” nghĩa là Phật không thể độ người không có duyên với Ngài.

Đi khắp nơi để tuyên dương hoàng pháp, dù duyên cạn cũng vẫn có thể độ. Còn nếu trụ ở một nơi để giáo hóa chúng sanh, cần phải có duyên sâu dày lắm mới độ được. Cho nên bao nhiêu năm qua tôi đều đi du hóa ở nước ngoài!

Điều này đối với tôi rất tốt. Điểm tốt nhất là cái quan niệm có ngôi nhà (Chùa) hoàn toàn nguội lạnh. Mỗi ngày đi đây đó ở khắp nơi (lữ quán) làm sao mà có chùa? Mặc dù có đạo tràng, một năm ở không quá mười ngày, lại tiếp tục đi, tất cả chỉ là như lữ quán thôi. Quan niệm “Nhà” hoàn toàn phá tan rồi, với tôi đây là điều giải thoát, muốn được như vậy không phải dễ, nay tôi đã thật sự thể nghiệm được.

Quý vị muốn thành tựu, nhất định phải “Thỉnh Phật trụ thế”. Phật đã nhập diệt rồi, không phân biệt là người xuất gia, hoặc tại gia cư sĩ. Chỉ cần họ là người tu hành chân chính, có học, có đạo hạnh, có thể làm gương mẫu cho chúng ta, chỉ dạy cho chúng ta tu học. Chúng ta đều nên thỉnh họ thường xuyên ở lại nơi đây, khiến cho vùng này được sự giáo huấn trường kỳ, như thế mới có sự thành tựu chân chính. Cho nên ngoài việc muốn thành tựu “thỉnh chuyển pháp luân”, nhất định phải phát tâm chân chính “thỉnh Phật trụ thế”. Nếu chúng ta là người Phật tử thuần thành, thật sự muốn đạt được lợi lạc trong Phật pháp, chúng ta phải dẫn đầu trong việc lễ thỉnh Pháp sư, Đại đức ở một chỗ và tận tâm tận lực cúng dường.

Những vị Đại đức chân chính, cuộc sống của họ rất đơn giản, rất dễ chiều cố, đây là đạo lý tất yếu.

Đạo tràng là nơi tiếp đón đại chúng. Do đó phải trang nghiêm, nếu không người ta sẽ nghĩ: “Đạo tràng này chắc cũng chẳng ra gì!”.

Nếu như đạo tràng trang nghiêm đẹp đẽ họ sẽ nghĩ: “Ồ! Chỗ này chắc cũng được lắm” và tự nhiên sanh tâm vui vẻ cung kính. Bởi vì, đa số người ta chỉ ham chuộng bề ngoài, không biết được nội dung bên trong. Do đó, chúng ta cũng cần phải làm cho hình dáng bên ngoài coi được một chút mới thu hút nhiều người tới. Mặc dù nói người biết được giá trị của đồ vật không chuộng bề ngoài, nhưng để hấp dẫn đại chúng, một đạo tràng trang nghiêm cũng cần thiết lắm. Tuy nhiên, đạo tràng càng

trang nghiêm lộng lẫy bao nhiêu, nơi sinh hoạt ăn ở của người tu thì phải hết sức đơn giản. Cảnh này nếu chúng ta đi qua Trung Hoa lục địa sẽ thấy rõ. Chùa ở Trung quốc xây theo kiểu cung điện của Vua, vô cùng trang nghiêm. Tuy nhiên, phòng ở của người xuất gia thì lại rất đơn sơ, phòng của trụ trì cũng thế. Điểm này cho ta thấy bề mặt lộng lẫy trang nghiêm của đạo tràng, mục đích là để thu hút đại chúng.

Chúng ta cần quan sát để hiểu, sau đó mới biết nên dùng thái độ gì, phương pháp và nghi thức nào để “thỉnh Phật trụ thế”, khiến Phật pháp thật sự ở một địa phương có thể xuống gốc ra rễ, khai hoa, kết trái.

Trong mười nguyên Phổ Hiền, bảy nguyên ở trên là hạnh nguyện của Bồ Tát, ba nguyên sau là hạnh hồi hướng của Bồ tát.

Thứ Tám: Thường Tùy Phật Học

Thường tùy Phật học là nói cho ta rõ: Phật là tấm gương, là điển hình, là mô phạm cho chúng ta học hỏi. Nay Phật không còn tại thế, kinh điển của Ngài vẫn còn, chúng ta y theo kinh điển tu hành. Đó là “Thường tùy Phật học, là tiêu chuẩn tối cao cần có để tu học Phật pháp”.

Thứ Chín: Hằng Thuận Chúng Sanh

Nghĩa là đối với tất cả hữu tình chúng sanh nhất định phải thuận. “Thuận” là điều rất khó làm, cho nên người Trung quốc nói chữ “Hiếu” kế tiếp nói chữ “Thuận”, không thuận tức là không hiếu. Học Phật là tận đại hiếu, thuận chúng sanh, ở trong hằng thuận để quán cơ duyên, hướng dẫn chúng sanh bỏ ác làm lành, giúp họ phá mê khai ngộ. Nhất định phải biết rõ nhân duyên thời tiết, khi nào, phải làm gì? Được như vậy mới gặt hái được kết quả lợi ích viên mãn. Cho nên phải có trí tuệ, phương tiện thiện xảo mới có thể hằng thuận chúng sanh.

Thứ Mười: Phổ Giai Hồi Hướng

Là đem tất cả những công đức mà chúng ta tu học được đều hồi hướng trọn vẹn đến tất cả Pháp giới chúng sanh, hồi hướng Bồ đề, hồi hướng đến Thật tế, trải rộng tâm lượng của chúng ta đến tận hư không, khắp pháp giới, đó chính là chân ngã. Đạt đến cảnh giới này mới gọi là đại viên mãn.

Tóm lại, những y cứ của Tịnh độ Tông mà chúng ta tu học đó là “Ngũ Kinh, Nhất Luận” (năm quyển kinh, một quyển luận). Năm kinh gồm: A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, chương Đại Thế Chí niệm Phật viên thông trong kinh Lăng Nghiêm.

Nhất luận là Vãng sanh luận của Bồ Tát Thiên Thân).

Về phương pháp tu học có năm đề mục:

I. Tam phước (ba thứ phước)

1. Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu mười thiện nghiệp.
2. Thọ trì tam qui, cù túc chúng giới, bất phạm uy nghi.
3. Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả.

II. Lục hòa

III. Tam học: Giới, định, tuệ

IV. Lục độ

V. Thập đại nguyện vương

Những đề mục trên rất đơn giản rõ ràng, không một chút phức tạp. Chúng ta trọn đời dựa theo nguyên tắc này để tu học, quyết định thành tựu, đúng như lời cổ đức “Vạn người tu vạn người vãng sanh”.

Chúng ta có luận cứ rồi, có phương pháp tu hành rồi. Nhưng trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta dùng thái độ gì, tâm thái nào khi chúng ta đối với người, với vật? Làm theo năm đề mục trên đây thì nhất định không sai. Sau đó nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh, không một ai mà không thành tựu.

Ban phiên dịch Việt ngữ

140 Biota st

Inala, Qld 4077

Australia

Hoặc

2504 Riverwood Trails Dr.

St. Louis, MO 63031

USA